BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỪ LIÊM
Ký ngày: 27/3/2024 10:27:44

Scanned with CamScanner

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4.	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5 - 8
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	9
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10 – 11
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 23

****

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Đô thị Từ Liêm (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Đô thị Từ Liêm – Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội theo Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106893917, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 7 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 05 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do thay đổi về việc bổ sung người đại diện theo pháp luật và thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : Đường CN7, Cụm Công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024 62 959 891

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảm quan.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 12 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 12 năm 2023
Ông Nguyễn Lê Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Lưu Minh Hằng	Trưởng ban	Ngày 25 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2022
Ông Chu Hữu Thành	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2022

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Lê Anh	Giám đốc	Ngày 26 tháng 5 năm 2020
Ông Nguyễn Hoàng Hưng	Phó Giám đốc	Ngày 20 tháng 7 năm 2021
Ông Nguyễn Ngọc Quang	Phó Giám đốc	Ngày 17 tháng 8 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021).

Scanned with CamScanner

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,
Chủ tịch

Nguyễn Mạnh Hùng

Ngày 26 tháng 03 năm 2024

Scanned with CamScanner

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn
Baker Tilly A&C
www.a-c.com.vn

Số: 2.0270/24/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Đô thị Từ Liêm (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Đô thị Từ Liêm tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội

M.S.D.N: 0300449815-002 CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C TẠI HÀ NỘI

Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc	**Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên**
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 2897-2020-008-1	*Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1*
Người được ủy quyền	

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as Baker Tilly A&C is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities

Scanned with CamScanner

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**36.031.773.202**	**41.606.006.034**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**2.116.933.229**	**1.950.966.264**
1. Tiền	111		2.116.933.229	1.950.966.264
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**17.868.000.000**	**24.000.000.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	17.868.000.000	24.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**15.717.362.854**	**15.421.289.672**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	11.299.941.978	11.665.447.622
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	170.000.000	81.495.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	4.503.742.576	3.854.578.550
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(256.321.700)	(180.232.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**231.625.786**	**224.911.171**
1. Hàng tồn kho	141	V.7	231.625.786	224.911.171
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**97.851.333**	**8.838.927**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	97.851.333	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	-	8.838.927
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Scanned with CamScanner

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**28.946.578.097**	**23.983.273.709**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**13.027.507.686**	**14.579.450.295**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	13.027.507.686	14.579.450.295
Nguyên giá	*222*		*32.508.207.630*	*36.636.493.089*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(19.480.699.944)*	*(22.057.042.794)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	*225*		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	*228*		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**14.500.000.000**	**8.000.000.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.11	14.500.000.000	8.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.419.070.411**	**1.403.823.414**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.419.070.411	1.403.823.414
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**64.978.351.299**	**65.589.279.743**

Scanned with CamScanner

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**5.176.425.152**	**6.621.902.507**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**3.155.175.152**	**6.621.902.507**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	1.093.424.642	5.325.213.491
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	20.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	723.564.517	324.095.734
4. Phải trả người lao động	314	V.16	479.379.177	509.401.256
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	5.313.528	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	468.473.288	463.192.026
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	385.000.000	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**2.021.250.000**	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	2.021.250.000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Scanned with CamScanner

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D -	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**59.801.926.147**	**58.967.377.236**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**V.21**	**59.801.926.147**	**58.967.377.236**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*60.000.000.000*	*60.000.000.000*
-	*Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		200.000.000	200.000.000
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(398.073.853)	(1.232.622.764)
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*(1.232.622.764)*	*(1.232.622.764)*
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*834.548.911*	-
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**64.978.351.299**	**65.589.279.743**

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Trần Hùng Anh	Trần Hùng Anh	Nguyễn Mạnh Hùng

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	01	VI.1	24.645.429.233	26.905.205.386
2.	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	10		24.645.429.233	26.905.205.386
4.	**Giá vốn hàng bán**	11	VI.2	22.788.853.809	25.535.209.853
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	20		1.856.575.424	1.369.995.533
6.	**Doanh thu hoạt động tài chính**	21	VI.3	2.525.910.664	1.784.915.055
7.	**Chi phí tài chính**	22	VI.4	63.371.527	-
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		63.371.527	-
8.	**Chi phí bán hàng**	25		-	-
9.	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	26	VI.5	3.415.522.654	2.849.685.319
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	30		903.591.907	305.225.269
11.	**Thu nhập khác**	31	VI.6	200.474.074	-
12.	**Chi phí khác**	32	VI.7	58.865.752	3.000.000
13.	**Lợi nhuận khác**	40		141.608.322	(3.000.000)
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	50		1.045.200.229	302.225.269
15.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	51		210.651.318	61.045.054
16.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	60		834.548.911	241.180.215
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	70	VI.8	139	40
19.	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	71		-	-

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Trần Hùng Anh	Trần Hùng Anh	Nguyễn Mạnh Hùng

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***1.045.200.229***	***302.225.269***
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.591.942.609	1.319.543.001
- Các khoản dự phòng	03		76.089.700	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.726.384.738)	(1.784.915.055)
- Chi phí lãi vay	06		63.371.527	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***50.219.327***	***(163.146.785)***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(363.323.955)	(1.752.317.805)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.714.615)	76.590.399
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.067.692.201)	397.796.688
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(113.098.330)	(750.983.397)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(58.057.999)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(4.558.667.773)***	***(2.192.060.900)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(40.000.000)	(649.053.301)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		200.474.074	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(33.368.000.000)	(56.151.914.536)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		33.000.000.000	52.859.291.317
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.525.910.664	1.371.903.931
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***2.318.384.738***	***(2.569.772.589)***

Scanned with CamScanner

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.406.250.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***2.406.250.000***	**-**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**165.966.965**	**(4.761.833.489)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**1.950.966.264**	**6.712.799.753**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**2.116.933.229**	**1.950.966.264**
			-	-

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Trần Hùng Anh	Trần Hùng Anh	Nguyễn Mạnh Hùng

Scanned with CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Đô thị Từ Liêm (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Nhân viên
Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 72 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 99 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Scanned with CamScanner

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho (nguyên vật liệu) được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Scanned with CamScanner

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ
Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định
Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm, phí sử dụng đường bộ
Chi phí bảo hiểm và phí sử dụng đường bộ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng theo thời gian sử dụng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Scanned with CamScanner

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

11. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Scanned with CamScanner

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

14. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	610.966.499	537.344.439
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.505.966.730	1.413.621.825
Cộng	**2.116.933.229**	**1.950.966.264**

2. Các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 12 đến 24 tháng tại ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	***8.435.660.451***	***8.986.619.788***
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Nội	6.970.646.760	6.873.630.119
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Thanh Trì	-	11.880.000
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị - Chi nhánh Cầu Diễn	408.311.558	437.737.100
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị - Chi nhánh Hai Bà Trưng	1.056.702.133	1.639.372.569
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị 9 - Urenco 9	-	24.000.000
Phải thu các khách hàng khác	***2.864.281.527***	***2.678.827.834***
Ban quản lý dự án Quận Nam Từ Liêm	204.631.000	204.631.000
Văn phòng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	1.530.867.253	1.539.418.205
Các khách hàng khác	1.128.783.274	934.778.629
Cộng	**11.299.941.978**	**11.665.447.622**

Scanned with CamScanner

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu - Công ty xăng dầu KV 1	150.000.000	50.000.000
Các nhà cung cấp khác	20.000.000	31.495.500
Cộng	**170.000.000**	**81.495.500**

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	2.229.354.063	-	2.543.188.666	-
Dự thu lãi tiền gửi	1.930.779.452	-	967.780.823	-
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	50.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	293.609.061	-	293.609.061	-
Cộng	**4.503.742.576**	**-**	**3.854.578.550**	**-**

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	*Dự phòng*	Giá gốc	Dự phòng
Các tổ chức và cá nhân khác				
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Quốc tế Sơn Nam	29.952.000	(29.952.000)	29.952.000	(29.952.000)
Công ty TNHH Thương mại và Phát triển Xây dựng Thanh Phương	143.000.000	(143.000.000)	143.000.000	(143.000.000)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	85.551.000	(83.369.700)	7.280.000	(7.280.000)
Cộng	**258.503.000**	**(256.321.700)**	**180.232.000**	**(180.232.000)**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	180.232.000	180.232.000
Số trích lập dự phòng trong năm	76.089.700	-
Cộng	**256.321.700**	**180.232.000**

7. Hàng tồn kho

Là nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho.

8. Chi phí trả trước dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm nay	Năm trước
Công cụ dụng cụ	10.885.000	-
Chi phí sửa chữa	86.966.333	-
Cộng	**97.851.333**	**-**

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	291.904.409	360.665.143
Chi phí sửa chữa	1.079.270.928	990.518.396
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	52.639.875
Cộng	**1.371.175.337**	**1.403.823.414**

Scanned with CamScanner

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	13.755.434.000	22.704.245.289	176.813.800	36.636.493.089
Mua trong năm	-	40.000.000	-	40.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.168.285.459)	-	(4.168.285.459)
Số cuối năm	**13.755.434.000**	**18.575.959.830**	**176.813.800**	**32.508.207.630**
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	10.789.143.384	128.413.800	10.965.957.184
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	3.931.997.239	17.950.651.774	174.393.781	22.057.042.794
Khấu hao trong năm	393.012.400	1.196.510.190	2.420.019	1.591.942.609
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.168.285.459)	-	(4.168.285.459)
Số cuối năm	**4.325.009.639**	**14.978.876.505**	**176.813.800**	**19.480.699.944**
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	9.823.436.761	4.753.593.515	2.420.019	14.579.450.295
Số cuối năm	**9.430.424.361**	**3.597.083.325**	-	**13.027.507.686**
Trong đó:				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	***23.720.948***	***3.182.000.166***
Công ty Cổ phần Công nghiệp Môi trường 9	-	2.915.761.514
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội - CN Cầu Diễn	-	190.210.000
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội - CN Hai Bà Trưng	-	52.307.704
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội	23.720.948	23.720.948
Phải trả các nhà cung cấp khác	***1.069.703.084***	***2.143.213.325***
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Vận tải Thảo Anh	212.414.832	542.426.880
Công ty Cổ phần Xăng dầu Thụy Dương	67.979.147	131.235.698
Công ty TNHH Kỹ thuật và Thương mại Việt Xanh	-	861.607.757
Các nhà cung cấp khác	789.309.715	607.942.990
Cộng	**1.093.424.642**	**5.325.213.491**

Scanned with CamScanner

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	324.095.734	-	980.219.819	(889.349.037)	414.967.126
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.838.927	210.651.318	-	201.812.391
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	106.785.000	-	106.785.000
Tiền thuê đất	-	-	206.046.934	(206.046.934)	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	8.056.360	(8.056.360)	-
Cộng	**324.095.734**	**8.838.927**	**1.514.759.432**	**(1.106.452.332)**	**723.564.517**

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.045.200.229	302.225.269
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	8.056.360	3.000.000
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.056.360	3.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.053.256.589	305.225.269
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	1.053.256.589	305.225.269
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**210.651.318**	**61.045.054**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	***277.067.000***	***277.067.000***
Công ty TMHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội - về hợp đồng khoán	277.067.000	277.067.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	***191.406.288***	***186.125.026***
Kinh phí công đoàn	5.562.742	1.254.963
Bảo hiểm xã hội	1.599.609	-
Bảo hiểm y tế	17.175.380	19.685.841
Bảo hiểm thất nghiệp	4.605.969	4.288.183
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	162.462.588	160.896.039
Cộng	**468.473.288**	**463.192.026**

Scanned with CamScanner

13. Vay và nợ thuê tài chính

13a. Vay ngắn hạn

Là khoản vay dài hạn đến hạn trả tại Quỹ Đầu tư Phát triển Hà Nội (Thuyết minh V.13b).

13b. Vay dài hạn

Khoản vay Quỹ Đầu tư Phát triển thành phố Hà Nội để đầu tư xe ô tô chuyên dùng với lãi suất 2,6%/năm, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 17 tháng 04 năm 2023. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi số 0038/200622/HĐTG/SHB.110215 tại ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, số tiền 3.000.000.000 VND.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	385.000.000	-
Trên 1 năm đến 5 năm	1.540.000.000	-
Trên 5 năm	481.250.000	-
Cộng	**2.406.250.000**	**-**

Chi tiết số phát sinh khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	
Số tiền vay phát sinh	2.695.000.000
Số tiền vay đã trả	(288.750.000)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(385.000.000)
Số cuối năm	**2.021.250.000**

14. Vốn chủ sở hữu

14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	60.000.000.000	200.000.000	(1.473.802.979)	58.726.197.021
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	241.180.215	241.180.215
Số dư cuối kỳ trước	**60.000.000.000**	**200.000.000**	**(1.232.622.764)**	**58.967.377.236**
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	200.000.000	(1.232.622.764)	58.967.377.236
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	834.548.911	834.548.911
Số dư cuối năm nay	**60.000.000.000**	**200.000.000**	**(398.073.853)**	**59.801.926.147**

14b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội	51.150.000.000	51.150.000.000
Các đối tượng khác	8.850.000.000	8.850.000.000
Cộng	**60.000.000.000**	**60.000.000.000**

14c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	6.000.000	6.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Scanned with CamScanner

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Là doanh thu cung cấp dịch vụ.

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Thanh Trì	-	11.000.000
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội	15.768.477.775	15.495.482.465
Doanh thu cho thuê xe ô tô		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Môi trường 9 - Urenco 9	-	22.222.222
Công ty Cổ phần Môi trường Tây Đô	30.000.000	-
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội – Chi nhánh Cầu Diễn	22.000.000	-

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi ngân hàng.

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.045.130.262	1.652.177.069
Chi phí đồ dùng văn phòng	70.475.550	29.409.390
Thuế, phí và lệ phí	209.046.935	288.780.986
Dự phòng phải thu khó đòi	76.089.700	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	236.467.188	87.960.202
Các chi phí khác	778.313.019	791.357.672
Cộng	**3.415.522.654**	**2.849.685.319**

5. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	834.548.911	241.180.215
Lợi nhuận tính lãi cơ bản	834.548.911	241.180.215
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**139**	**40**

Scanned with CamScanner

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.699.028.478	2.740.519.807
Chi phí nhân công	9.020.324.161	8.837.907.513
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.591.942.609	1.319.543.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.452.450.772	14.406.786.193
Chi phí khác	2.440.630.443	1.080.138.658
Cộng	**26.204.376.463**	**28.384.895.172**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ và không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương	Phụ cấp	Thưởng	Cộng thu nhập
Năm nay				
Nguyễn Mạnh Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị	114.550.064	6.683.040	700.000	121.933.104
Nguyễn Lê Anh – Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc	103.843.400	5.038.800	700.000	109.582.200
Nguyễn Hoàng Hưng - Phó Giám đốc	93.135.736	4.508.400	700.000	98.344.136
Nguyễn Ngọc Quang – Phó giám đốc	93.044.736	4.508.400	700.000	98.253.136
Nguyễn Thị Hà – Thành viên BKS	73.192.409	3.447.600	700.000	77.340.009
Chu Hữu Thành – Thành viên BKS	83.612.073	3.978.000	700.000	88.290.073
Cộng	**561.378.418**	**28.164.240**	**4.200.000**	**593.742.658**
Năm trước				
Nguyễn Mạnh Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị	104.728.923	7.033.440	-	111.762.363
Nguyễn Lê Anh – Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc	95.877.538	5.342.800	-	101.220.338
Nguyễn Hoàng Hưng - Phó Giám đốc	82.019.231	4.719.900	-	86.739.131
Nguyễn Ngọc Quang – Phó giám đốc	83.614.462	4.719.900	-	88.334.362
Nguyễn Thị Hà – Thành viên ban kiểm soát (từ ngày 25 tháng 4 năm 2022)	53.322.823	-	-	53.322.823
Chu Hữu Thành – Thành viên ban kiểm soát (từ ngày 25 tháng 4 năm 2022)	58.416.623	-	-	58.416.623
Cộng	**477.979.600**	**21.816.040**	**-**	**499.795.640**

Scanned with CamScanner

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công nghiệp Môi trường 9	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Thanh Trì	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đông Anh	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần MTĐT và Công nghiệp Bắc Sơn	Công ty cùng Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Công nghiệp Môi trường 9 - Urenco 9		
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	*4.072.039.156*
Công ty Cổ phần MTĐT và Công nghiệp Bắc Sơn		
Mua dịch vụ	*56.886.300*	*45.792.000*
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô Thị Hà Nội		
Thuê tài sản	-	*21.898.755*
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Thanh Trì		
Thuê xe nâng	*9.259.259*	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.9 và V.11.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là vệ sinh môi trường và trong một khu vực địa lý là trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Trần Hùng Anh	Trần Hùng Anh	Nguyễn Mạnh Hùng

Scanned with CamScanner